

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 13/2025/HS-ST

Ngày: 26/02/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Giang Thị Vượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Trần Thị Phụng;

- Bà Lê Thị Phương.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2025/HSST ngày 23 tháng 01 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Thành V** (tên gọi khác: Không); sinh ngày 18 tháng 3 năm 1992 tại tỉnh Hoà Bình; nơi ĐKKTT: Bản T, xã T, huyện T tỉnh Lai Châu; giới tính: Nam; dân tộc: Mường; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH X; Trình độ học vấn: 11/12; con ông Bùi Văn P (đã chết); con bà Đặng Thị T, sinh năm 1957; Vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu từ ngày 02/01/2025 cho đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (Có mặt).

2. Ông Nguyễn Đức T1, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Xóm A, xã V, huyện K, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt không có lý do).

3. Bà Vũ Thị Y, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Tổ D, phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt có lý do).

4. Chi cục thuế khu vực T - T.

Địa chỉ trụ sở: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân P1 - chức vụ: Chi Cục trưởng (Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn X (*sau đây viết tắt là Công ty X*) được Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh L cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 17/7/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 4: 27/04/2022, trụ sở đặt tại bản Chom Chăng, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu, mã số doanh nghiệp F, vốn điều lệ 9.110.000.000 đồng. Về mặt pháp lý thì Công ty X bao gồm 02 thành viên góp vốn, trong đó: (1) Bùi Thành V góp 5.466.000.000đ, chiếm 60% vốn điều lệ; (2) Nguyễn Đức T1, sinh năm 1979 trú tại xóm A, xã V, huyện K, tỉnh Hòa Bình góp 3.644.000.000đ, chiếm 40% vốn điều lệ, tuy nhiên trên thực tế Công ty X do Bùi Thành V là Giám đốc trực tiếp quản lý, chỉ đạo điều hành mọi hoạt động, còn Nguyễn Đức T1 do V nhờ đứng tên, không tham gia góp vốn, không tham gia điều hành, không hưởng lợi từ hoạt động kinh doanh của công ty.

Theo giấy phép kinh doanh, Công ty X hoạt động kinh doanh lĩnh vực nông lâm nghiệp. Quá trình vận hành hoạt động công ty, Bùi Thành V không thuê kế toán để thực hiện kê khai thuế, quyết toán thuế hàng năm theo quy định mà nhờ một người phụ nữ tên là H ở Lào Cai (không xác định được nhân thân, lý lịch) làm giúp báo cáo tài chính và kê khai thuế hàng năm. Ngoài ra còn có Nguyễn Văn M, sinh năm 1981 trú tại tổ dân phố số C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu giúp V thu mua gỗ đầu vào cho công ty, tìm kiếm liên hệ với đối tác thu mua hàng, hỗ trợ V làm việc với các cơ quan như Ngân hàng, T2 và Vũ Thị Y, sinh năm 1989, trú tại tổ D, phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên bán hàng, theo dõi sổ sách thu chi hàng ngày cho công ty (tất cả những người trên đều không kí hợp đồng lao động).

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, từ năm 2021 đến năm 2023, với mục đích trốn thuế, nên sau khi bán hàng cho các khách hàng lẻ, được các cá nhân này thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển tiền thanh toán vào tài khoản ngân hàng của công ty (tài khoản 7807201002152 mở tại ngân hàng N1, tài khoản 7996998998998 mở tại ngân hàng Thương mại cổ phần Q), tài khoản của Nguyễn Văn M (tài khoản 7807205003109 mở tại ngân hàng N1, tài khoản 0964998998 mở tại ngân hàng Thương mại cổ phần Q) và tài khoản ngân hàng của Vũ Thị Y số 36210000801972 mở tại ngân hàng Thương mại cổ phần Đ. Sau khi được các khách hàng lẻ thanh toán tiền mua hàng, Bùi Thành V đã không xuất hoá đơn để kê khai quyết toán thuế theo quy định, để ngoài sổ sách kê toán một phần doanh thu bán hàng nhằm mục đích trốn thuế giá trị gia tăng với tổng số tiền 4.356.303.608 đồng, trong đó: năm 2021 là 1.535.191.008 đồng ; năm 2022 là

1.895.123.000 đồng và năm 2023 là 925.989.600 đồng. Cơ quan điều tra đã thu thập các hồ sơ, tài liệu, hóa đơn chứng từ liên quan và tiến hành trưng cầu giám định theo quy định của pháp luật.

Tại bản Kết luận giám định số 961/KL-GĐV ngày 20/9/2024 Cục Thuế tỉnh L xác định: Hành vi của công ty TNHH X1 N không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp; không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật hoặc ghi giá trị trên hóa đơn bán hàng thấp hơn giá trị thanh toán thực tế của hàng hóa, dịch vụ đã bán là hành vi Trốn thuế. Tổng số tiền thuế giá trị gia tăng phải nộp tăng thêm qua giám định là 272.931.055 đồng (trong đó: năm 2021: 96.352.182 đồng, năm 2022: 148.515.818 đồng, năm 2023: 28.063.055 đồng).

Quá trình điều tra, Bùi Thành V trình bày bổ sung thêm thông tin các khách hàng lẻ thực hiện việc mua hàng hoá của V nhưng không xuất hoá đơn giá trị gia tăng nên Cơ quan điều tra đã Trưng cầu giám định bổ sung. Tại Kết luận giám định số 1341/KL-GĐV ngày 24/12/2024 của Cục thuế tỉnh L xác định: Bùi Thành V không ghi chép trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp; không xuất hoá đơn khi bán hàng hoá, dịch vụ theo quy định của pháp luật là hành vi trốn thuế. Tổng số tiền thuế giá trị gia tăng phải nộp tăng thêm qua giám định là 435.630.360 đồng (trong đó: Năm 2021: 153.519.100 đồng, năm 2022: 189.512.300 đồng, năm 2023: 92.598.960 đồng).

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Bùi Thành V thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị cáo không tranh luận và không bổ sung gì thêm.

Các nội dung khác liên quan đến vụ án:

- Đối với số tiền trốn thuế giá trị gia tăng trong năm tài chính 2023 là 92.598.960 đồng, do không đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra đã gửi Công văn đề nghị Cơ quan thuế có thẩm quyền ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

- Đối với Nguyễn Đức T1 là thành viên góp vốn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Kết quả điều tra xác định V nhờ ông T1 đứng ra làm thủ tục đăng ký thành lập Công ty X là thành viên góp vốn. Cá nhân ông T1 không được bàn bạc, không tham gia góp vốn, không tham gia vào việc quản lý, điều hành và không được chia lợi nhuận từ doanh thu của Công ty X nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

- Đối với Vũ Thị Y là nhân viên công ty được giao nhiệm vụ theo dõi sổ sách thu, chi. Kết quả điều tra xác định Y không biết, không tham gia vào hoạt động quản lý, điều hành của công ty, không được hưởng lợi ích từ hành vi trốn thuế của bị cáo V nên không xử lý là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Văn M có quan hệ họ hàng với bị cáo Bùi Thành V, biết V là Giám đốc công ty TNHH X và công ty G khó khăn do V mới mua lại công ty

từ người khác. Từ năm 2021 đến năm 2024, do được Bùi Thành V nhờ tìm khách mua gỗ thành phẩm của công ty nên M giúp V tìm khách hàng (pháp nhân hoặc cá nhân) mua gỗ thành phẩm của công ty. Việc bán hàng, thanh toán tiền hàng giữa công ty và pháp nhân như thế nào thì M không biết. Đối với khách lẻ mua hàng nhiều trường hợp chuyển tiền mua hàng vào tài khoản ngân hàng của Nguyễn Văn M, M đã chuyển khoản tiền hàng của khách vào tài khoản ngân hàng của công ty TNHH X hoặc rút tiền mặt chuyển lại cho Bùi Thành V. Doanh thu bán hàng, kê khai, báo cáo thuế của công ty do ai thực hiện thì Nguyễn Văn M không biết và không được hưởng lợi ích từ việc giới thiệu khách mua hàng của công ty. Kết quả điều tra xác định M không biết, không tham gia vào hoạt động quản lý, điều hành của công ty, không được hưởng lợi ích từ hành vi trốn thuế của bị cáo V nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

- Đối với thông tin Chi cục Thuế khu vực T3 cung cấp Công ty TNHH X có dấu hiệu sử dụng hóa đơn rủi ro cao. Cơ quan điều tra tiến hành điều tra, xác minh, kết quả xác định: Các công ty này có phát sinh hoạt động thương mại mua hàng hóa theo nội dung ghi trên hóa đơn do công ty X xuất bán và đã thanh toán tiền mua hàng nên không có dấu hiệu của hành vi “Trốn thuế” hoặc “Mua bán trái phép hóa đơn” nên không đề cập xử lý là đúng theo quy định.

Tại Bản cáo trạng số: 11/CT-VKSLC-P1 ngày 23/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố Bùi Thành V tội: “Trốn thuế” theo điểm b, d khoản 2 Điều 200 - Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Thành V tội: “Trốn thuế”.

- Áp dụng điểm b, d khoản 2 điều 00; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Thành V từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 200 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

- Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Buộc bị cáo Bùi Thành V phải nộp vào ngân sách Nhà nước toàn bộ số tiền trốn thuế là 343.031.400 đồng.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng điều 106 BLTTHS, Điều 47 BLHS, đề nghị tuyên tịch thu lưu cùng hồ sơ vụ án: 21 sổ thu - chi của Công ty TNHH X, 04 sao kê tài khoản ngân hàng 7996998998998, tên khách hàng Công ty TNHH X mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q; 01 sao kê tài khoản ngân hàng 7807201002152, tên khách hàng công ty TNHH X mở tại ngân hàng N1; 01 sao kê tài khoản ngân hàng B, tên khách hàng Bùi Thành V mở tại ngân hàng Thương mại cổ phần Q; 01 sao kê tài khoản ngân hàng 7807205003109, tên khách hàng Nguyễn Văn M mở tại ngân hàng N1; 02 sao kê tài khoản ngân hàng I, tên khách hàng Nguyễn Văn M mở tại ngân hàng Thương mại cổ phần Q; 02 sao kê tài

khoản ngân hàng C, tên khách hàng Vũ Thị Y mở tại ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp và đúng luật. Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, trong hồ sơ vụ án đã thể hiện đầy đủ lời khai, nên việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 299 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là thống nhất phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, của người liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong các năm 2021-2022, trên địa bàn huyện T, tỉnh Lai Châu, với cương vị là Giám đốc trực tiếp chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn X, bị cáo Bùi Thành V đã không kê khai trung thực các khoản doanh thu; không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa đối với các khách hàng mua lẻ vào sổ sách kế toán, mà để ngoài sổ sách nhằm mục đích trốn thuế giá trị gia tăng với tổng số tiền trốn thuế là 343.031.400 đồng (trong đó: Năm 2021: 153.519.100 đồng, năm 2022: 189.512.300 đồng).

[3] Xét về tính chất, hành vi phạm tội: Hành vi nêu trên của bị cáo Bùi Thành V là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chế độ quản lý thuế của Nhà nước dẫn đến thất thu ngân sách Nhà nước, xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước trong việc thu thuế, ảnh hưởng xấu đến trật tự. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vì tư lợi cá nhân mà bị cáo bất chấp quy định của pháp luật, thực

hiện tội phạm với lỗi cố ý. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trốn thuế” theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 200 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cáo trạng và quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi trốn thuế 02 lần theo kì quyết toán thuế với tổng số tiền mỗi lần trốn thuế trên 100.000.000 đồng, tuy nhiên đây là tình tiết định khung nên không phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4.2] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đều thể hiện sự ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, Vì vậy, cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt

[5.1] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt chính là phạt tù bởi lẽ hành vi phạm tội của bị cáo làm thất thu ngân sách Nhà nước nhưng bị cáo chưa khắc phục hậu quả. Về mức hình phạt Hội đồng xét xử thấy bị cáo có thái độ thành khẩn hợp tác, ăn năn hối cải nên áp dụng mức hình phạt dưới mức đề nghị của Viện kiểm sát để bị cáo sớm có cơ hội trở về địa phương lao động hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước.

[5.2] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 200 Bộ luật hình sự. Để tăng cường hiệu quả cho hình phạt chính trong việc giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung. Hội đồng xét xử, quyết định áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Buộc bị cáo Bùi Thành V phải nộp vào ngân sách Nhà nước toàn bộ số tiền trốn thuế là 343.031.400 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS: Xét thấy các vật chứng gồm: 21 sổ thu - chi của Công ty TNHH X, 04 sao kê tài khoản ngân hàng 7996998998998, tên khách hàng Công ty TNHH X mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q; 01 sao kê tài khoản ngân hàng 7807201002152, tên khách hàng công ty TNHH X mở tại ngân hàng N1; 01 sao kê tài khoản ngân hàng B, tên khách hàng Bùi Thành V mở tại ngân hàng Thương mại cổ phần Q; 01 sao kê tài khoản ngân hàng 7807205003109, tên khách hàng Nguyễn Văn M

mở tại ngân hàng N1; 02 sao kê tài khoản ngân hàng I, tên khách hàng Nguyễn Văn M mở tại ngân hàng Thương mại cổ phần Q; 02 sao kê tài khoản ngân hàng C, tên khách hàng Vũ Thị Y mở tại ngân hàng Thương mại cổ phần Đ liên quan đến vụ án nên cần tuyên tịch thu lưu cùng hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, d khoản 2, khoản 4 Điều 200; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106, Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Thành V phạm tội “*Trốn thuế*”.

[2] Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Thành V 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo Bùi Thành V 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

[4] Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Bùi Thành V phải nộp lại số tiền trốn thuế là 343.031.400 đồng (*ba trăm bốn mươi ba triệu không trăm ba mươi một nghìn bốn trăm đồng*).

[5] Về xử lý vật chứng: Tuyên tịch thu lưu hồ sơ vụ án 21 sổ thu - chi của Công ty TNHH X, 04 sao kê tài khoản ngân hàng 7996998998998, tên khách hàng Công ty TNHH X mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q; 01 sao kê tài khoản ngân hàng 7807201002152, tên khách hàng công ty TNHH X mở tại ngân hàng N1; 01 sao kê tài khoản ngân hàng B, tên khách hàng Bùi Thành V mở tại ngân hàng Thương mại cổ phần Q; 01 sao kê tài khoản ngân hàng 7807205003109, tên khách hàng Nguyễn Văn M mở tại ngân hàng N1; 02 sao kê tài khoản ngân hàng I, tên khách hàng Nguyễn Văn M mở tại ngân hàng Thương mại cổ

phần Quân đội; 02 sao kê tài khoản ngân hàng C, tên khách hàng Vũ Thị Y mở tại ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (*Đã lưu theo hồ sơ vụ án*).

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Bị cáo, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan(có mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Toà án nhân dân cấp trên. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Cục Thi hành án Dân sự;
- Công an tỉnh Lai Châu (PC03);
- Sở Tư pháp;
- Lưu HS - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giang Thị Vượng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA